

Bản tin chứng khoán

Trong số này

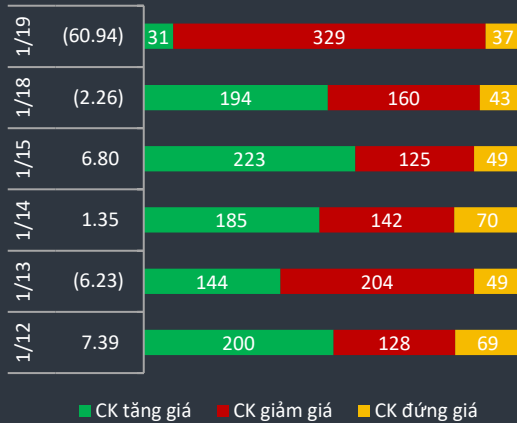
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



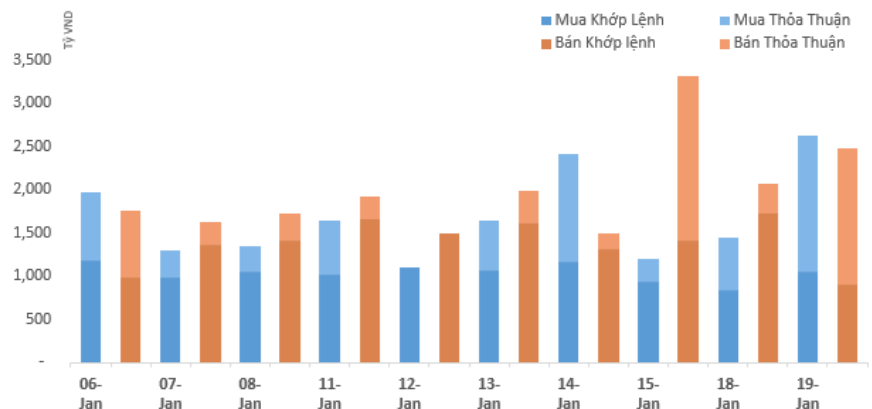
Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

VRE	72.3
VHM	71.0
SHS	35.7
LPB	33.1
VJC	31.6
DXG	27.6
HCM	21.7
KBC	21.2
MSN	20.1
NLG	16.0
SBT	12.7
FCN	(12.1)
PVT	(13.6)
PVD	(14.0)
AGG	(14.4)
SHB	(18.8)
BID	(19.2)
HDB	(25.0)
VND	(25.3)
HPG	(82.4)

Thị trường có phiên giảm sâu lịch sử dù không có tin tức nào quá xấu trong ngày. Mức giảm là kỷ lục hơn cả phiên giảm vì lo ngại dịch Covid hồi tháng 3. Phiên sáng thị trường đã có dấu hiệu giảm nhưng ở mức độ vừa phải và gia tăng dần áp lực khi về trưa. Nhóm cổ phiếu ngân hàng bị chốt lãi đẩy nhiều mã giảm sâu ngay trong đầu phiên. Nhóm trụ lớn như VIC, VHM, GAS cũng mất điểm mạnh càng làm chỉ số Index rơi mạnh hơn. Trong vài phiên gần đây nhóm penny tạo sóng khá tốt nhưng đến hôm nay đã không chịu nổi áp lực bán tháo và kết quả là đều rơi sàn hàng loạt.

Các cổ phiếu trụ lớn như VCB, BID, HPG lệnh bán xả ồ ạt nhưng lệnh mua vào lại rất ít và hầu như đều mang tâm lý chờ đợi. Khi lệnh bán quá lớn liên tục đổ ra đã dẫn đến hiện tượng nghẽn lệnh và nhiều nhà đầu tư đã không thể đặt lệnh càng làm tâm lý hoảng loạn dâng cao hơn. Nhà đầu tư dễ dẫn đến tâm lý bán bằng mọi giá để đưa tài khoản về mức an toàn. Thanh khoản trong ngày lên đến gần 18 ngàn tỷ đồng và số cổ phiếu giảm sàn lên đến 112.

Khối ngoại giao dịch không quá nổi bật so với khối nhà đầu tư nội và mua ròng 147 tỷ đồng trong ngày. VRE(72.3 tỷ), VHM(71 tỷ), SHS(35.7 tỷ), LPB(33.1 tỷ), VJC(31.6 tỷ) là những cổ phiếu mua ròng nhiều nhất trong khi bán ròng nhiều nhóm HPG, VND, HDB, BID.



Vnindex 1,131

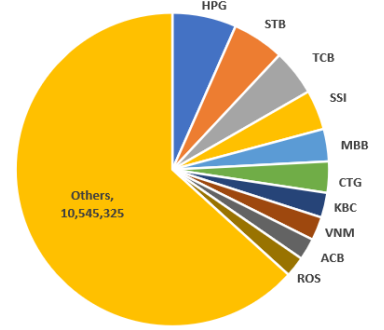
▼ -60.94 (-5.11%)

Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
VRE	37.3	(50)	(0.13)
REE	52.8	(1,100)	(2.04)
NVL	70.0	(1,700)	(2.37)
PDR	53.4	(1,600)	(2.91)
TPB	28.0	(850)	(2.95)
DHG	103.0	(3,200)	(3.01)
VJC	127.9	(4,100)	(3.11)
BCM	51.9	(1,700)	(3.17)
SAB	193.0	(7,400)	(3.69)
VHM	96.8	(4,200)	(4.16)
VCB	99.0	(4,300)	(4.16)
MSN	90.9	(4,200)	(4.42)
GVR	31.7	(1,600)	(4.80)
VNM	107.7	(5,600)	(4.94)
MWG	120.0	(6,400)	(5.06)
BVH	65.0	(3,600)	(5.25)
PLX	53.0	(3,100)	(5.53)
PNJ	79.0	(4,900)	(5.84)
POW	13.9	(900)	(6.10)
GAS	85.0	(5,600)	(6.18)
TCB	33.9	(2,300)	(6.35)
FPT	62.0	(4,300)	(6.49)
VIB	33.0	(2,300)	(6.52)
HVN	28.6	(2,050)	(6.69)
HPG	41.6	(3,000)	(6.73)
STB	19.2	(1,400)	(6.80)
ACB	27.9	(2,050)	(6.84)
MBB	24.4	(1,800)	(6.87)
SSI	33.8	(2,500)	(6.89)
VIC	102.7	(7,600)	(6.89)
HDB	25.4	(1,900)	(6.97)
CTG	35.9	(2,700)	(6.99)
BID	45.3	(3,400)	(6.99)



Top giá trị giao dịch (tỷ VND)



Phiên giảm trong ngày không quá bất ngờ vì thị trường đã lường trước kịch bản điều chỉnh tự nhiên mức rơi khủng đến hơn 60 điểm đã gây tâm lý hoang mang thật sự đặc biệt là những nhà đầu tư F0. Với phiên giảm trong ngày thị trường đã gần như cuốn sạch thành quả kiếm được trong tháng 1 vừa qua. Phiên bán tháo trong ngày hoàn toàn đến từ lượng cung dồn ép từ chuỗi thời gian khá dài vừa qua và cùng bung ra mạnh tạo nên áp lực mạnh tạo nên hiệu ứng domino lan tỏa trên toàn bộ cổ phiếu. Dĩ nhiên sau phiên đổ sàn trong ngày thì nhiều cổ phiếu blue chip lại có mức giá tốt hơn trong phiên sau. Nhiều khả năng thị trường phiên tới sẽ không giảm quá sâu và sẽ sớm hồi phục sau khi các cổ phiếu đã bị nén hơn 10%. Trong bối cảnh hiện tại nhà đầu tư nên tận dụng cơ hội cơ cấu lại danh mục giữ tài khoản ở mức an toàn.

Cổ phiếu quan tâm:

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Vùng Mua	Lãi / Lỗ	Ngày đưa vào DM
GAS	85.0	(9.20)	75	95	Mua quanh 85. Mục tiêu 95	-0.7%	12/7/2020
PNJ	79.0	(4.70)	65	85	Mua quanh 70-72. Mục tiêu 80-85	8.2%	11/11/2020
VCB	99.0	(6.30)	80	110	Nằm giữ	19.4%	10/28/2020
HPG	41.6	(7.30)	28	50	Nằm giữ	35.9%	10/28/2020
HBC	15.8	(8.70)	12.5	18	Mua quanh 14. Mục tiêu 18	23.4%	11/29/2020
MWG	120.0	(4.90)	90	130	Mua quanh 110-115. Mục tiêu 130	3.4%	12/25/2020
PHR	67.5	(3.40)	50	70	Nằm giữ.	25.0%	10/30/2020
D2D	59.9	(9.80)	50	70	Mua quanh 55. Mục tiêu 70	8.9%	12/7/2020
FPT	62.0	(5.80)	46	70	Mua quanh 50-51. Mục tiêu 70	21.8%	10/28/2020
HSG	24.4	(2.80)	14	27	Nằm giữ. Mục tiêu nâng lên 27	64.9%	10/28/2020
STB	19.2	(3.00)	11	22	Mua quanh 12.5-13. Nâng mục tiêu 22	43.3%	10/30/2020
GEX	22.2	(9.20)	21	28	Mua quanh 22-23. Mục tiêu 27	-4.3%	12/30/2020
GVR	31.7	6.40	11.5	35	Nằm giữ	134.8%	10/28/2020
DXG	17.3	-	11	22	Mua quanh 12 Mục tiêu 22	34.1%	11/6/2020
NKG	15.8	(3.10)	14	22	Mua quanh 16. Mục tiêu 22	-1.3%	1/5/2021

(**BNH** 03/0) Với các vị thế chạm mục tiêu ngắn hạn, nhà đầu tư nếu kỳ vọng có thể tiếp tục nắm giữ hoặc hiện thực hóa lợi nhuận ½)

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

SMC	0.22
SVT	1.20
PXI	1.28
DCL	1.85
FIT	2.11
TCM	2.65
HII	2.93
HTI	3.23
TNT	3.77
TVB	3.81
SGT	5.02
VRC	5.26
VRC	5.26
DTA	5.58
LCM	6.43
KPF	6.72
GMC	6.82
TCR	6.84
HU1	6.90
VNL	6.95
RIC	6.98
KSH	9.52

Top tăng giá HNX

KDM	5.00
FID	5.88
KVC	6.25
WSS	6.67
V21	8.77
PSD	9.19
TST	9.38
VIG	9.52
API	9.55
ICG	9.59
HTP	10.00
PVL	10.00
VE3	10.00

SEB - CTCP Đầu tư và Phát triển điện miền Trung - Thông báo kết quả kinh doanh 2020 với doanh thu hơn 177 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế gần 111 tỷ đồng. Năm 2021, SEB đặt mục tiêu doanh thu hơn 150 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế gần 87 tỷ đồng.

SWC - Tổng Công ty cổ phần Đường sông Miền Nam - Doanh thu quý 4/2020 của SWC đạt 155 tỷ đồng, tăng 55% so cùng kỳ; lợi nhuận gộp thu được gần 60 tỷ đồng, tăng 131%. Sau khi trừ chi phí, SWC báo lãi ròng quý 4/2020 gần 55 tỷ đồng, tăng 739% (gấp 8,4 lần) kết quả cùng kỳ. Cộng với 3 quý đầu năm, SWC có kết quả lãi ròng cả năm 2020 gần 149 tỷ đồng, gấp gần 2,2 lần thực hiện trong 2019.

SZL - CTCP Sonadezi Long Thành - Đã công bố Báo cáo tài chính quý IV/2020 với doanh thu thuần giảm 3% so với cùng kỳ năm trước xuống 95 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế giảm nhẹ 1% xuống 28,6 tỷ đồng. Lũy kế cả năm 2020, SZL ghi nhận doanh thu thuần 359 tỷ đồng, giảm nhẹ 3% so với năm 2019 và lợi nhuận sau thuế giảm 1% xuống 102 tỷ đồng.

HND - Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng - Lũy kế năm 2020, doanh nghiệp đạt doanh thu gần 10.866 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 1.528 tỷ đồng, lần lượt giảm 4% và tăng 23% so với năm 2019. Lợi nhuận sau thuế cả năm đạt gần 1.452 tỷ đồng, tăng 24%.

PGV - Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần – Đã công bố kết quả kinh doanh ước tính trong năm 2020 với lợi nhuận trước thuế đạt 2.244 tỷ đồng, hoàn thành vượt 47,45% kế hoạch được ĐHQĐĐ thông qua và gấp 1,53 lần năm 2019. Nguyên nhân chính đến từ khoản lỗ do chênh lệch tỷ giá không còn lớn như năm trước.

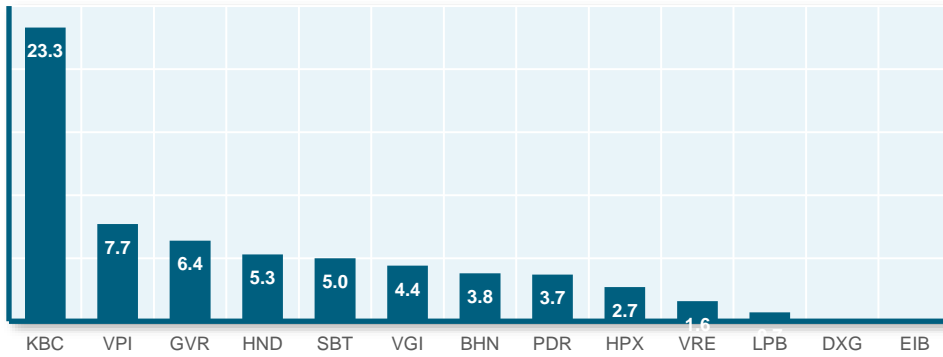
DVP - CTCP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ - Ngày 25/1 là ngày giao dịch không hưởng quyền tạm ứng cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 26/1. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 15%, thanh toán bắt đầu từ ngày 08/2/2021.

S4A - CTCP Thủy điện Sê San 4 - Ngày 21/1 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức đợt 1 năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 22/1. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 10%, thanh toán bắt đầu từ ngày 03/2/2021.

HTC - CTCP Thương mại Hóc Môn - Ngày 21/1 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức đợt 3 năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 22/1. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 3%, thanh toán bắt đầu từ ngày 05/2/2021.



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

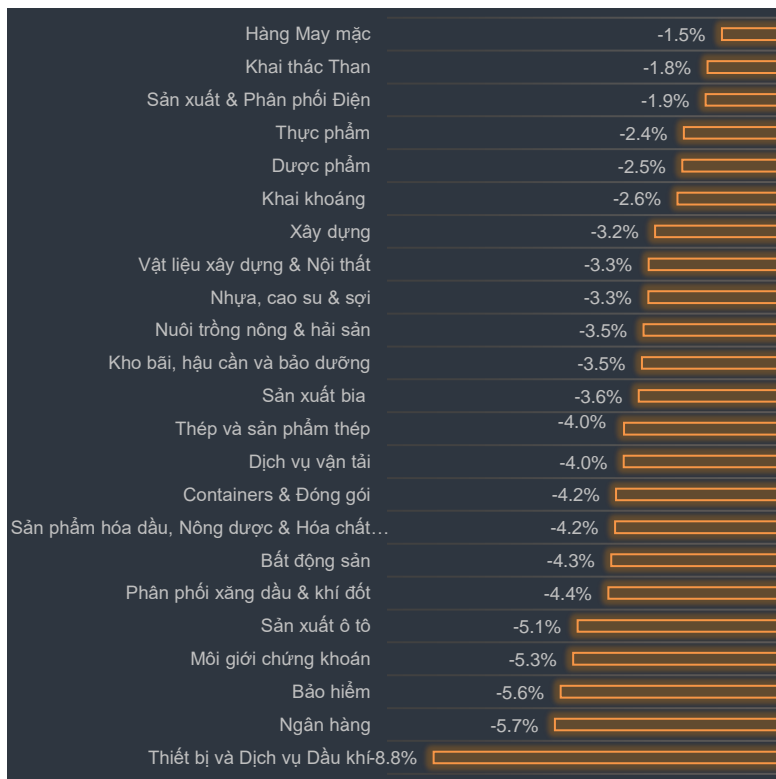
Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
VCB	HOSE	99	1,130,300	21.4	3.9	1,629,720	1,556,920	367,179	23.74	4,630	25,200
VIB	HOSE	33	1,032,900	7.3	2.5	136,100	124,900	36,610	20.22	4,490	13,340
TPB	HOSE	28.0	4,912,800	6.4	1.5	-	-	28,835	30.00	4,350	18,280
VPB	HOSE	33.9	7,415,600	8.2	1.7	152,200	152,200	83,216	22.77	4,150	20,260
HDB	HOSE	25.4	5,782,200	7.3	1.3	976,009	1,935,009	40,402	17.41	3,490	19,140
TCB	HOSE	33.9	22,796,500	10.7	1.7	23,000	26,000	118,816	22.49	3,180	19,620
ACB	HNX	27.9	13,077,400	9.0	1.8	-	-	60,307	30.00	3,090	15,230
MBB	HOSE	24.4	22,184,900	8.2	1.3	2,273,600	2,284,400	68,290	23.00	2,990	18,140
CTG	HOSE	35.9	14,466,500	12.2	1.6	1,474,900	1,787,900	133,670	28.78	2,950	22,230
BID	HOSE	45.3	2,701,100	21.3	2.3	1,121,900	1,531,700	181,996	17.40	2,130	19,450
LPB	UPCOM	13.8	17,853,400	8.0	1.0	2,393,800	79,400	14,830	3.18	1,720	14,090
SHB	HNX	16.9	53,114,820	10.9	1.2	57,200	1,123,200	29,665	7.08	1,550	13,600
ABB	HOSE	13.5	1,669,363	9.0	0.9	-	-	7,713	-	1,500	14,770
STB	HOSE	19.2	45,045,700	14.5	1.2	452,900	1,010,000	34,630	9.46	1,320	15,640
MSB	HOSE	18.5	2,760,800	14.5	1.3	-	8,300	19,878	30.00	1,280	13,750
BAB	HNX	21.6	2,100	26.7	1.9	-	-	15,304	-	810	11,570
EIB	HOSE	20.2	658,600	28.9	1.5	-	-	24,835	30.00	700	13,500
NVB	HNX	13.1	4,907,321	119.1	1.3	680,500	1,400	5,329	8.03	110	10,400
KLB	UPCOM	20.0	73,900	-	1.6	2,000	-	6,398	-	-	12,210
			221,586,204	19.08	1.67	11,373,829	11,621,329	1,266,175		2,469	16,338



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	HDG	HOSE	25/01/2021	26/01/2021	10/3/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	IBD	UPCoM	25/01/2021	26/01/2021	8/2/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	TN1	HOSE	21/01/2021	22/01/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 100:9, giá 28,500 đồng/CP	Phát hành thêm
4	S4A	HOSE	21/01/2021	22/01/2021	3/2/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	BCG	HOSE	21/01/2021	22/01/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 2:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
6	HIG	UPCoM	21/01/2021	22/01/2021	4/2/2021	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	VNF	HNX	20/01/2021	21/01/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:2, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
8	TNG	HNX	20/01/2021	21/01/2021	3/2/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	DNW	UPCoM	20/01/2021	21/01/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 5:1, giá 15,000 đồng/CP	Phát hành thêm
10	NVL	HOSE	20/01/2021	21/01/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 89:7, giá 59,200 đồng/CP	Phát hành thêm
11	KPF	HOSE	19/01/2021	20/01/2021		Trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
12	KPF	HOSE	19/01/2021	20/01/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:2, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
13	BSH	UPCoM	19/01/2021	20/01/2021	29/01/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	HVH	HOSE	19/01/2021	20/01/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 100000:68337, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
15	TRA	HOSE	19/01/2021	20/01/2021	29/01/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	PHN	HNX	19/01/2021	20/01/2021	2/2/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	VDS	HOSE	18/01/2021	19/01/2021	28/01/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	FMC	HOSE	18/01/2021	19/01/2021	29/01/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	FMC	HOSE	18/01/2021	19/01/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 5:1, giá 25,000 đồng/CP	Phát hành thêm
20	SDN	HNX	15/01/2021	18/01/2021	29/01/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	SAM	HOSE	15/01/2021	18/01/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 10000:3645, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
22	STC	HNX	15/01/2021	18/01/2021	28/01/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	XDH	UPCoM	15/01/2021	18/01/2021	25/01/2021	Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	EVG	HOSE	15/01/2021	18/01/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 4:3, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
25	NBT	UPCoM	15/01/2021	18/01/2021	29/01/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	ICT	HOSE	14/01/2021	15/01/2021	28/01/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	TIP	HOSE	14/01/2021	15/01/2021	28/01/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	HU1	HOSE	14/01/2021	15/01/2021	29/01/2021	Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt

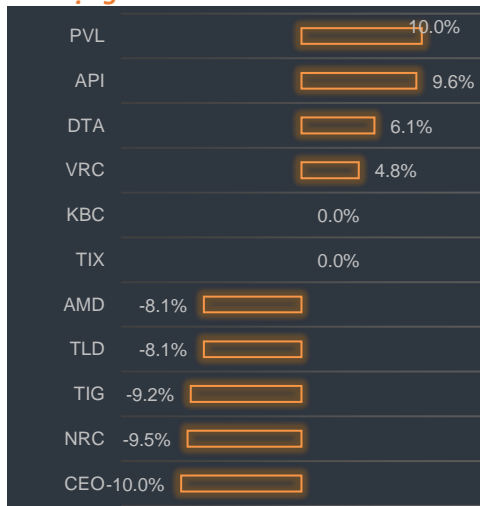
Tăng giảm ngành trong ngày



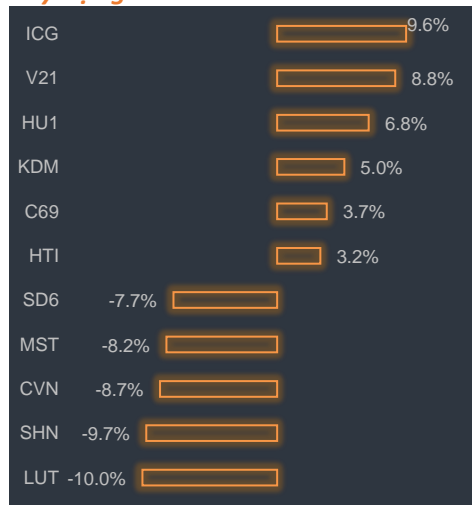
Các CP tăng tốt nhất theo từng nhóm ngành:

Bất động sản:	PVL, API, DTA
Xây dựng:	ICG, V21, HU1
Dầu khí:	SFC, PCG, HTC
Chứng khoán:	VIG, SBS, WSS
Ngân hàng:	BAB, KLB, TPB

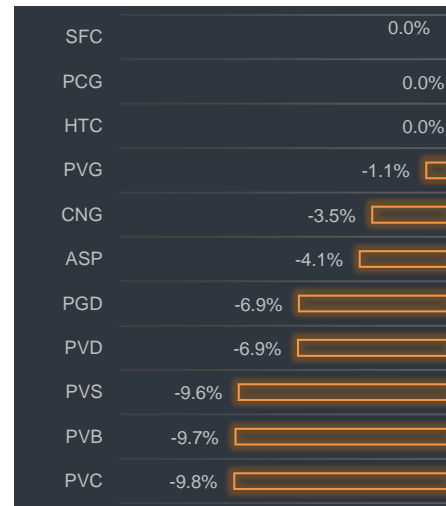
Bất động sản



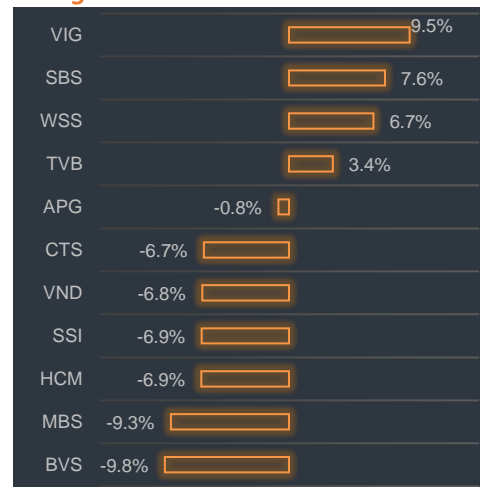
Xây dựng



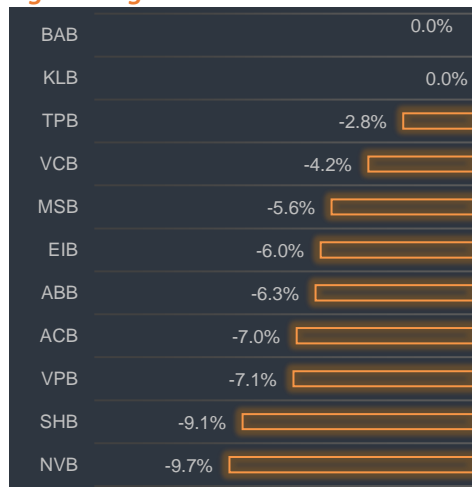
Dầu khí



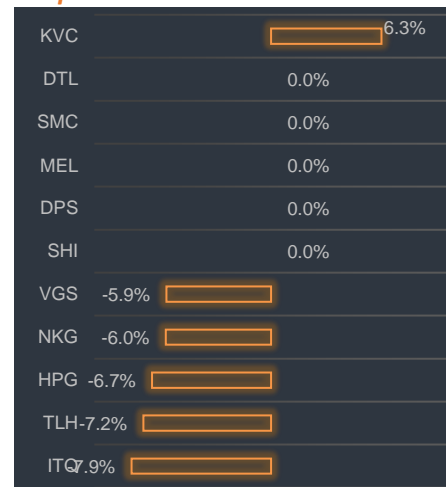
Chứng khoán



Ngân hàng



Thép





BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931